

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 09 tháng 12 năm 2013 về việc bổ sung mã ngành kinh doanh.

Trụ sở chính: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: NPS.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hoàng	Chủ tịch (Miễn nhiệm kể từ ngày 28/04/2014)
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Chủ tịch (Bổ nhiệm kể từ ngày 28/04/2014)
Ông Đỗ Hải	Ủy viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 28/04/2014)
Ông Nguyễn Hùng Quý	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 28/04/2014)
Ông Nguyễn Văn Lợi	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 28/04/2014)
Ông Nguyễn Xuân Trọng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi	Thành viên
Ông Vũ Thành Hoan	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 28/04/2014)
Bà Vũ Kim Chi	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 28/04/2014)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Lợi	Giám đốc
Bà Tống Thị Thủy	Phó Giám đốc
Ông Trần Công Viên	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Lợi
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Số: 92/2015/BCKT -BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm 2014 của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1009-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2015*

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Thị Minh Anh.

Nguyễn Thị Minh Anh**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1492-2013-075-1



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		9.713.842.655	11.416.617.971
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.673.587.155	3.883.807.378
1. Tiền	111	5.1	1.673.587.155	3.883.807.378
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.235.842.197	4.086.632.411
1. Phải thu khách hàng	131		4.950.929.391	4.059.132.411
2. Trả trước cho người bán	132		32.762.248	27.500.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	252.150.558	-
IV- Hàng tồn kho	140		2.474.573.812	3.220.830.576
1. Hàng tồn kho	141	5.3	2.474.573.812	3.220.830.576
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		329.839.491	225.347.606
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.865.865	7.552.645
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		298.629.383	207.450.718
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.344.243	10.344.243
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		69.597.634.022	69.513.623.594
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		60.659.806.807	60.732.847.730
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	4.275.858.713	4.308.322.494
- Nguyên giá	222		15.341.083.895	14.157.594.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.065.225.182)	(9.849.272.301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	212.891.037	253.468.179
- Nguyên giá	228		284.040.000	284.040.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.148.963)	(30.571.821)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	56.171.057.057	56.171.057.057
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	7.734.612.496	7.734.612.496
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.805.900.000	7.805.900.000
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259		(71.287.504)	(71.287.504)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.203.214.719	1.046.163.368
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.200.214.719	1.043.163.368
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		79.311.476.677	80.930.241.565

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		42.406.651.705	43.360.551.526
I- Nợ ngắn hạn	310		16.659.889.623	17.613.789.444
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	8.892.389.955	8.282.054.143
2. Phải trả người bán	312		423.509.265	810.617.276
3. Người mua trả tiền trước	313		39.384.268	5.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	802.673.009	965.230.230
5. Phải trả người lao động	315		5.761.957.037	6.299.341.278
6. Chi phí phải trả	316		-	41.363.979
9. Các khoản phải trả, nợ ngắn hạn khác	319	5.11	368.405.791	446.266.973
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		371.570.298	763.915.565
II- Nợ dài hạn	330		25.746.762.082	25.746.762.082
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	25.746.762.082	25.746.762.082
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		36.904.824.972	37.569.690.039
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	36.904.824.972	37.569.690.039
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.700.000.000	21.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.048.972.837	7.048.972.837
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.634.730.770	2.922.678.010
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.491.821.365	4.868.739.192
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		79.311.476.677	80.930.241.565

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại			
USD		51.720,08	164.698,97
EURO		285,44	296,36

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Văn Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

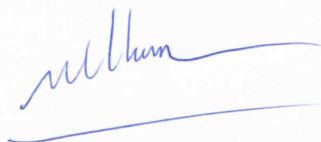
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	58.398.142.321	44.630.978.378
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		58.398.142.321	44.630.978.378
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	46.579.227.262	34.838.419.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.818.915.059	9.792.559.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	626.653.537	620.405.692
7. Chi phí tài chính	22	5.17	679.689.541	528.942.706
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		410.368.959	379.512.325
8. Chi phí bán hàng	24	5.18	1.952.243.953	1.313.580.195
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	5.729.073.295	5.095.567.484
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.084.561.807	3.474.874.667
11. Thu nhập khác	31	5.20	535.534.517	1.286.554.679
12. Chi phí khác	32	5.20	238.008.697	317.171.055
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		297.525.820	969.383.624
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.382.087.627	4.444.258.291
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.011.090.456	1.158.159.232
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.370.997.171	3.286.099.059
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	1.553	1.514

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi



Nguyễn Thị Ngọc Thảo



Nguyễn Văn Lợi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.382.087.627	4.444.258.291
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.256.530.023	1.397.388.644
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	41.827.978	(6.512.872)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(422.887.016)	(678.682.636)
- Chi phí lãi vay	06	410.368.959	379.512.325
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.667.927.571	5.535.963.752
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	(1.232.073.443)	1.520.546.642
- Giảm/ (Tăng) hàng tồn kho	10	746.256.764	(1.055.162.736)
- Giảm các khoản phải trả	11	(832.145.601)	(1.769.924.470)
- Tăng chi phí trả trước	12	(169.364.571)	204.655.342
- Tiền lãi vay đã trả	13	(410.368.959)	(379.512.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.485.009.069)	(1.378.842.555)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.039.513.657)	(471.806.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.245.709.035	2.205.917.067
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.183.489.100)	(1.314.503.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	249.090.908
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	422.887.016	460.752.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(760.602.084)	(604.659.893)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.030.540.564	20.952.224.693
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.471.606.842)	(16.570.895.720)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.254.520.000)	(4.340.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.695.586.278)	41.328.973
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(2.210.479.327)	1.642.586.147
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.883.807.378	2.241.428.963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	259.104	(207.732)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	1.673.587.155	3.883.807.378

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Văn Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần)

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 06 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 09 tháng 12 năm 2013 về việc bổ sung mã ngành kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 là 21.700.000.000 đồng.

Sở hữu vốn

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	720.320	7.203.200.000	33,19%
Các cổ đông khác	14.496.80	14.496.800.000	66,81%

Cộng

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: NPS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2014 là 429 người (Tại ngày 31/12/2013 là 418 người)

Trụ sở chính Công ty tại số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu. In trên bao bì (không in tráng bao bì kim loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thuỷ nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2014 là gia công hàng may mặc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp, phải trả khác ngắn hạn và dài hạn, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	07 - 15
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị bản quyền phần mềm Tuka Cad chuyên sử dụng cho ngành may mặc được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá Đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo thông tư số 45/2013/TT-BTC, ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 1 đến 2 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

7537
TY
NH
AN
:1
:1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	316.995.045	279.574.957
Tiền gửi ngân hàng	1.356.592.110	3.604.232.421
Tổng	1.673.587.155	3.883.807.378

5.2 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm xã hội	252.150.558	-
Tổng	252.150.558	-

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	83.688.526	67.503.452
Công cụ, dụng cụ	62.502.684	16.893.781
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	632.697.549	424.280.096
Thành phẩm	1.695.685.053	2.712.153.247
Tổng	2.474.573.812	3.220.830.576

5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	5.781.097.651	6.706.253.584	1.258.679.160	411.564.400	14.157.594.795
Tăng trong năm	67.810.000	1.115.679.100	-	-	1.183.489.100
Mua trong năm	67.810.000	1.115.679.100	-	-	1.183.489.100
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	5.848.907.651	7.821.932.684	1.258.679.160	411.564.400	15.341.083.895
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	4.804.711.814	4.304.141.926	386.246.284	354.172.277	9.849.272.301
Tăng trong năm	382.800.666	674.444.260	120.620.455	38.087.500	1.215.952.881
Khấu hao trong năm	382.800.666	674.444.260	120.620.455	38.087.500	1.215.952.881
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	5.187.512.480	4.978.586.186	506.866.739	392.259.777	11.065.225.182
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	976.385.837	2.402.111.658	872.432.876	57.392.123	4.308.322.494
Tại 31/12/2014	661.395.171	2.843.346.498	751.812.421	19.304.623	4.275.858.713

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.175.168.355 VND (tại 31/12/2013: 2.940.960.703 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2014 đã đem đi cầm cố thế chấp vay: 2.920.421.223 VND (tại ngày 31/12/2013: 2.342.477.216 VND).

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm TukaCAD phục vụ ngành may	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	284.040.000	284.040.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	284.040.000	284.040.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	30.571.821	30.571.821
Tăng trong năm	40.577.142	40.577.142
Khấu hao trong năm	40.577.142	40.577.142
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	71.148.963	71.148.963
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	253.468.179	253.468.179
Tại 31/12/2014	212.891.037	212.891.037

5.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án xây dựng chung cư cao tầng Đầm Sen	56.171.057.057	56.171.057.057
Tổng	56.171.057.057	56.171.057.057

Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Đến ngày 31/12/2014, dự án đang tạm dừng triển khai do thiếu vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		7.805.900.000		7.805.900.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè	570.000	5.700.000.000	570.000	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	159.000	1.605.900.000	159.000	1.605.900.000
Công ty Cổ phần Du lịch La Gi	-	500.000.000	-	500.000.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn		(71.287.504)		(71.287.504)
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè	-	(71.287.504)	-	(71.287.504)
Tổng	729.000	7.734.612.496	729.000	7.734.612.496

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	Khu phố 3, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM	11,40%	11,40%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản
Công ty CP Dệt Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. HCM	0,76%	0,76%	Sản xuất mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc
Công ty CP Du lịch Lagi	Thôn Mũi Đá, Xã Tân Phước, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	4,17%	4,17%	Đại lý du lịch, kinh doanh nhà hàng ăn uống

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.200.214.719	1.043.163.368
Tổng	1.200.214.719	1.043.163.368

5.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng	8.892.389.955	7.804.213.403
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8.892.389.955	7.804.213.403
Vay cá nhân	-	477.840.740
Ông Trần Trung Hiệp	-	477.840.740
Tổng	8.892.389.955	8.282.054.143

Nội dung Hợp đồng vay:

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0109/KH/13NH ngày 12 tháng 08 năm 2013 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/HĐSĐBS ngày 9 tháng 5 năm 2014.

Hạn mức cấp tín dụng: 15.000.000.000 VND;
 Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
 Thời gian vay: 12 tháng;
 Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu, Bảo lãnh và phát hành thư tín dụng;

Biện pháp đảm bảo: Khoản vay được bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 0199/NHNT ngày 18/02/2013 bao gồm máy móc thiết bị quyền sở hữu của Công ty CP May Phú Thịnh Nhà Bè, tổng giá trị tài sản là 4.171.059.466 đồng theo biên bản định giá ngày 26/4/2012 và chứng thư bảo lãnh số 115/NBC ngày 21/5/2013.

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 187/KH/14NH ngày 08 tháng 09 năm 2014.

Hạn mức cấp tín dụng : 15.000.000.000 VND;
 Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
 Thời gian vay: 12 tháng;
 Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu, Bảo lãnh và phát hành thư tín dụng, thực hiện bao thanh toán theo quy định

Biện pháp đảm bảo: Khoản vay được bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 0217/NHNT ngày 08/09/2014 bao gồm máy móc thiết bị quyền sở hữu của Công ty CP May Phú Thịnh Nhà Bè, tổng giá trị tài sản là 3.220.054.701 đồng và chứng thư bảo lãnh số 145/NBC của Tổng Công ty CP May Nhà Bè.

Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 tương đương USD 416.115,58.

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.914.672	754.139.437
Thuế thu nhập cá nhân	388.758.337	128.750.456
Thuế nhà thầu	-	82.340.337
Tổng	802.673.009	965.230.230

5.11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	124.005.000	155.878.000
Bảo hiểm xã hội	-	27.579.188
Phải trả cổ tức	191.066.000	193.391.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.334.791	69.418.785
Tổng	368.405.791	446.266.973

5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền hỗ trợ không tính lãi suất của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự án Cao ốc thương mại và Căn hộ tại Khu đất số 13A, Tổng Văn Trân, phường 05, Quận 11 theo thỏa thuận giữa hai bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	21.700.000.000	1.029.300.000	7.048.972.837	2.922.678.010	6.965.312.133	39.666.262.980
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.286.099.059	3.286.099.059
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.286.099.059	3.286.099.059
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.382.672.000	5.382.672.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.042.672.000	1.042.672.000
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	4.340.000.000	4.340.000.000
Số dư tại 31/12/2013	21.700.000.000	1.029.300.000	7.048.972.837	2.922.678.010	4.868.739.192	37.569.690.039
Số dư tại 01/01/2014	21.700.000.000	1.029.300.000	7.048.972.837	2.922.678.010	4.868.739.192	37.569.690.039
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.370.997.173	3.370.997.173
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.370.997.171	3.370.997.171
Tăng khác	-	-	-	-	2	2
Giảm trong năm	-	-	-	287.947.240	3.747.915.000	4.035.862.240
Chi phạt thuế	-	-	-	287.947.240	-	287.947.240
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.747.915.000	3.747.915.000
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	492.915.000	492.915.000
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	3.255.000.000	3.255.000.000
Số dư tại 31/12/2014	21.700.000.000	1.029.300.000	7.048.972.837	2.634.730.770	4.491.821.365	36.904.824.972

Đơn vị tính: VND

Công ty trích lập quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28 tháng 04 năm 2014.
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã sử dụng quỹ dự phòng tài chính vào việc chi trả các khoản phạt thuế, việc sử dụng quỹ này tùy thuộc vào sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	7.203.200.000	7.203.200.000
Các cổ đông khác	14.496.800.000	14.496.800.000
Tổng	21.700.000.000	21.700.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.700.000.000	21.700.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.700.000.000	21.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.255.000.000	4.340.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.170.000	2.170.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.170.000	2.170.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.170.000	2.170.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.048.972.837	7.048.972.837
Quỹ dự phòng tài chính	2.634.730.770	2.922.678.010

5.14 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu gia công nội địa	12.380.528.963	11.322.119.883
Doanh thu gia công xuất khẩu	31.412.189.038	21.076.392.024
Doanh thu làm hàng nội địa	264.858.066	556.802.456
Doanh thu làm hàng xuất khẩu	2.388.937.437	6.504.379.141
Doanh thu đưa ngoài gia công	11.649.698.395	4.905.761.113
Doanh thu khác	301.930.422	265.523.761
Tổng	58.398.142.321	44.630.978.378

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn gia công nội địa	9.829.289.326	8.826.705.712
Giá vốn gia công xuất khẩu	24.042.235.753	14.524.249.419
Giá vốn làm hàng nội địa	211.886.453	198.849.274
Giá vốn làm hàng xuất khẩu	2.113.942.822	6.253.777.540
Giá vốn đưa ngoài gia công	10.381.872.908	4.890.243.899
Giá vốn khác	-	144.593.174
Tổng	46.579.227.262	34.838.419.018

5.16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.512.016	43.377.835
Cổ tức, lợi nhuận được chia	417.375.000	417.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.766.521	152.714.195
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.938.662
Tổng	626.653.537	620.405.692

5.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	410.368.959	379.512.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.492.605	149.004.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.827.977	425.789
Tổng	679.689.541	528.942.706

5.18 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí bao bì	867.005.905	480.580.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.238.048	833.000.135
Tổng	1.952.243.953	1.313.580.195

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.563.054.657	4.173.190.479
Chi phí vật liệu quản lý	7.572.300	76.720.259
Chi phí công cụ dụng cụ	202.106.018	77.209.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.707.955	156.107.209
Thuế, phí và lệ phí	18.544.000	22.191.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.983.684	246.866.944
Chi phí bằng tiền khác	475.104.681	343.282.223
Tổng	5.729.073.295	5.095.567.484

5.20 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	249.090.908
Thu nhập từ bán phế liệu	53.336.039	49.803.534
Xử lý công nợ	23.888.994	772.064.132
Thu hồi tiền đào tạo công nhân nghỉ việc	98.971.145	14.886.077
Thu lại tiền chi phí xuất nhập khẩu	194.053.795	138.149.209
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	54.545.460	45.454.549
Hoàn nhập thuế nhà thầu do không phải nộp	82.340.337	-
Thu nhập khác	28.398.747	17.106.270
Tổng	535.534.517	1.286.554.679
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	31.161.107
Khách hàng thanh toán thiếu	28.159.533	19.725.347
Chi phí đổi ngoại	39.450.000	61.180.008
Chi phí khác	170.399.164	205.104.593
Tổng	238.008.697	317.171.055
Lợi nhuận khác	297.525.820	969.383.624

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.382.087.627	4.444.258.291
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:		
<i>Hóa đơn chứng từ không hợp lệ</i>	631.153.085	605.753.637
<i>Lương, thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh</i>	289.945.085	342.137.637
	341.208.000	263.616.000
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế		
<i>Cổ tức được chia</i>	417.375.000	417.375.000
	417.375.000	417.375.000
Thu nhập chịu thuế	4.595.865.712	4.632.636.928
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	22%	25%
<i>Thuế TNDN phải nộp</i>	1.011.090.456	1.158.159.232
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.011.090.456	1.158.159.232

5.22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.370.997.171	3.286.099.059
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.370.997.171	3.286.099.059
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	2.170.000	2.170.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.553	1.514

5.23 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.894.112.551	5.676.977.753
Chi phí nhân công	30.255.128.763	24.638.264.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.256.530.023	1.397.388.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.472.348.973	7.650.398.759
Chi phí khác bằng tiền	2.646.071.764	2.892.034.601
Tổng	53.524.192.074	42.255.064.725

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Lương, thưởng thù lao	1.161.611.386	978.664.731

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Mua hàng				
		Thuê máy	40.428.000	51.276.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu, bao bì	21.090.909	5.107.538
		Mua áo sơ mi	1.363.636,00	16.104.000
		Trừ tiền do xuất hàng thiếu	-	35.779.291
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Nhà Bè	Cùng hệ thống	Phí bốc xếp	49.277.477	43.034.342
Công ty CP Truyền thông NBC	Cùng hệ thống	Phí duy trì và cập nhật thông tin website quý, tổ chức tập huấn	52.850.000	24.240.000
Công ty CP May Gia Lai	Cùng hệ thống	May gia công	7.285.261.738	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Cùng hệ thống	Mua máy móc	1.762.752.800	303.580.000
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	Phí gia công may, mua trang phục	33.418.800	96.600.000
Công ty CP Xây lắp Công nghệ Nhà Bè	Cùng hệ thống	Mua máy kim sâm lai, mua vải	3.376.000	-
Công ty CP May Sông Tiền	Cùng hệ thống	May gia công	420.931.050	283.267.032
Bán hàng				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Công ty liên kết	May gia công	2.836.743.542	5.549.562.031

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Số dư phải thu				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Công ty liên kết	May gia công	2.180.696.802	-
Phải trả nhà cung cấp				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Công ty liên kết	Thuê máy	25.618.005	16.567.661
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	May gia công	35.761.000	74.382.000
Công ty CP May Gia Lai	Cùng hệ thống	May gia công	27.863.000	-

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	1.673.587.155	3.883.807.378
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.203.079.949	4.059.132.411
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	7.734.612.496	7.734.612.496
Tổng	14.611.279.600	15.677.552.285
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	8.892.389.955	8.282.054.143
Phải trả người bán và phải trả khác	26.538.677.138	27.003.646.331
Chi phí phải trả	-	41.363.979
Tổng	35.431.067.093	35.327.064.453

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.931.774.225	7.804.213.405	2.786.027.212	6.685.575.651
Euro (EUR)	-	-	7.384.618	-
Tổng	8.931.774.225	7.804.213.405	2.793.411.830	6.685.575.651

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	8.892.389.955	-	8.892.389.955
Phải trả người bán và phải trả khác	791.915.056	25.746.762.082	26.538.677.138
Chi phí phải trả	-	-	-
	9.684.305.011	25.746.762.082	35.431.067.093

Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	8.282.054.143	-	8.282.054.143
Phải trả người bán và phải trả khác	1.256.884.249	25.746.762.082	27.003.646.331
Chi phí phải trả	41.363.979	-	41.363.979
	9.580.302.371	25.746.762.082	35.327.064.453

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	1.673.587.155	-	1.673.587.155
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.203.079.949	-	5.203.079.949
Đầu tư dài hạn	-	7.734.612.496	7.734.612.496
	6.876.667.104	7.734.612.496	14.611.279.600

Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	3.883.807.378	-	3.883.807.378
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.059.132.411	-	4.059.132.411
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	7.734.612.496	7.734.612.496
	7.942.939.789	7.734.612.496	15.677.552.285

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Văn Lợi

